

Số: /BC-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Công điện số 34/CĐ-TTg ngày 25/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế trong chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); Quyết định số 1516/QĐ-TTg ngày 10/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện các biện pháp khắc phục khuyến nghị của Ủy ban châu Âu tại đợt thanh tra lần thứ 5 về chống khai thác IUU; Công văn số 9901/BNMT-TSKN ngày 27/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc báo cáo, cập nhật kết quả thực hiện các nhiệm vụ về chống khai thác IUU; UBND tỉnh Ninh Bình báo cáo kết quả chống khai thác IUU tháng 8/2026, như sau:

- Cơ quan báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.
- Kỳ báo cáo tháng: Từ ngày 01/8 đến ngày 31/8; lũy kế từ đầu năm 2026 đến thời điểm báo cáo.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

1. Kết quả thực hiện

TT	Tổng số nhiệm vụ được giao	Đã hoàn thành		Đang thực hiện theo tiến độ		Quá hạn/ chậm tiến độ	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	23	8	34,8%	15	65,2%	0	0%

Tổng số nhiệm vụ được giao trong kỳ: 23 nhiệm vụ (09 nhiệm vụ phải hoàn thành trong kỳ; 0 nhiệm vụ tồn đọng từ kỳ trước; 14 nhiệm vụ đang thực hiện).

Trong đó:

- Đã hoàn thành: 08 nhiệm vụ (đạt 88,9%).
- Đã hoàn thành nhiệm vụ tồn đọng từ kỳ trước: 0 nhiệm vụ (đạt 0%).
- Nhiệm vụ đang thực hiện (thường xuyên): 14 nhiệm vụ (đạt 100%).

(Chi tiết kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Phụ lục I kèm theo)

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế: Không

b) Nguyên nhân: Không

3. Biện pháp khắc phục: Không

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHỐNG KHAI THÁC IUU

1. Công tác quản lý đội tàu cá

1.1. Kết quả thực hiện

- Tổng số tàu cá từ 06m trở lên đã đăng ký và cập nhật trên VNFishbase là 1.396 tàu. Trong đó: Tàu cá từ 6 - dưới 12m: 382 tàu (chiếm 27,4%); tàu cá từ 12 - dưới 15m: 394 tàu (chiếm 28,2%); tàu cá từ 15 - dưới 24m: 591 tàu (chiếm 42,3%); tàu cá từ 24m trở lên: 29 tàu (chiếm 2,1%).

- Tàu cá từ 6m trở lên còn hạn giấy phép khai thác: 1.393 tàu (đạt 99,8%). Tàu cá từ 12m trở lên còn hạn đăng kiểm: 1.006 tàu (đạt 99,2%). Tàu cá từ 15m trở lên đã lắp thiết bị VMS: 620 tàu (đạt 100%); còn hạn ATTP: 608 tàu (đạt 98,1%).

- Tàu cá đã đánh dấu, viết số đăng ký theo quy định: 1.396 tàu (đạt 100%).

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Vẫn còn tình trạng tàu cá hết hạn đăng kiểm, hết hạn an toàn thực phẩm chủ tàu mới liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục kiểm tra, thẩm định cấp mới. Do đó, số lượng tàu cá không đủ điều kiện hoạt động thường xuyên biến động.

- Có tình trạng tàu không đủ điều kiện của tỉnh Ninh Bình nhưng neo đậu ngoài tỉnh, do cá nhân tại địa phương khác quản lý hoặc ngược lại.

b) Nguyên nhân

- Do trình độ nhận thức về pháp luật của một bộ phận ngư dân còn hạn chế.

- Một số tàu cá đã bán ra tỉnh ngoài nhưng không đăng ký lại được ở tỉnh mới do vướng tiêu chí đặc thù của địa phương nơi mua tàu.

1.3. Biện pháp khắc phục

- Tuyên truyền, tập huấn để nâng cao nhận thức của ngư dân về việc chấp hành các quy định pháp luật trong khai thác và BVNL thủy sản.

- Đưa tàu không đủ điều kiện vào nơi neo đậu tập trung, không cho phép để ngư lưới cụ trên tàu, niêm phong và nghiêm cấm ra khơi khai thác hải sản khi chưa đủ các thủ tục theo quy định. Giao UBND cấp xã cử cán bộ chịu trách nhiệm theo dõi tàu không đủ điều kiện hoạt động; phối hợp lực lượng Bộ đội Biên phòng giám sát quản lý, không cho phép các tàu chưa đủ các thủ tục theo quy định xuất bến.

- Phối hợp UBND các tỉnh nơi mua tàu chỉ đạo các biện pháp quản lý tàu mua về nhưng không đủ điều kiện hoạt động; vận động chủ tàu giải bán tàu cá.

2. Theo dõi, kiểm soát và giám sát hoạt động tàu cá

2.1. Tàu cá có nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU

Trong kỳ báo cáo, tỉnh có 01 tàu cá có nguy cơ cao vi phạm khai thác IUU đã được cập nhật trên cơ sở dữ liệu.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2.2. Tàu cá không đủ điều kiện hoạt động

Trong kỳ báo cáo, tỉnh có 07 tàu cá không đủ điều kiện hoạt động.

Trong đó, số tàu đã lập danh sách, theo dõi, kiểm soát được vị trí neo đậu và áp dụng biện pháp giám sát, quản lý là 07 tàu (đạt 100%), không tham gia hoạt động.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2.3. Theo dõi, kiểm soát hoạt động tàu cá rời, cập cảng cá trên eCDT

2.3.1. Tàu cá rời, cập cảng cá

a) Kết quả thực hiện

Trong kỳ báo cáo, trên địa bàn tỉnh có 1.024 tàu/1.656 lượt tàu cập cảng; có 971 tàu/1.436 lượt tàu rời cảng, gồm:

- Tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản: 997 tàu/1.596 lượt tàu cập cảng; 942 tàu/1.380 lượt tàu rời cảng. Trong đó, tàu cá từ 6m trở lên có: 997 tàu/1.596 lượt tàu cập cảng; 942 tàu/1.380 lượt tàu rời cảng; tàu cá từ 15m trở lên có: 674 tàu/1.105 lượt tàu cập cảng; 636 tàu/955 lượt tàu rời cảng.

- Tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản: 27 tàu/60 lượt tàu cập cảng; 29 tàu/56 lượt tàu rời cảng. Trong đó, tàu cá từ 6m trở lên có: 27 tàu/60 lượt tàu cập cảng; 29 tàu/56 lượt tàu rời cảng; tàu cá từ 15m trở lên có: 27 tàu/61 lượt tàu cập cảng; 29 tàu/56 lượt tàu rời cảng.

Lũy kế từ đầu năm, tỉnh có: 1.907 tàu/11.590 lượt tàu cập cảng; 2.002 tàu/11.876 lượt tàu rời cảng, gồm:

- Tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản: 1.838 tàu/11.211 lượt tàu cập cảng; 1.932 tàu/11.495 lượt tàu rời cảng.

- Tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản: 69 tàu/379 lượt tàu cập cảng; 70 tàu/381 lượt tàu rời cảng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

* Tồn tại, hạn chế:

- Đối với công tác quản lý

- + Ninh Bình sau sáp nhập có chiều dài đường bờ biển kéo dài khoảng 89,45 km trong đó mới có 02 cảng cá được công bố mở cảng và tập trung tại cửa sông Ninh Cơ.

- + Tàu cá neo đậu, bốc dỡ sản phẩm tại nhiều bến cá (bến cá tự phát, truyền thống), các bãi ngang trên các xã ven biển nên chưa kiểm soát được 100% sản lượng bốc dỡ thủy sản.

- Đối với hệ thống quản lý điện tử

+ Chưa có hệ thống dùng chung để Tra cứu các thông tin tàu cá vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm hoặc tình trạng xử lý tàu cá có dấu hiệu vi phạm đang đến đâu (ví dụ như: Tra cứu tàu cá IUU một nơi, nguy cơ cao một nơi, tàu cá mất tín hiệu giám sát hành trình của từng tỉnh một nơi, đề nghị phối hợp quản lý tàu cá của các tỉnh một nơi, tình trạng xử lý thì chưa kiểm tra được,...) nên công tác kiểm tra mất nhiều thời gian.

+ Chưa có hệ thống cập nhật tàu rời, cập cảng dùng chung, thống nhất để giảm bớt các thủ tục, hồ sơ giấy và điện tử.

+ Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử eCDT thường xuyên bị lỗi, thường xuyên phải cập nhật phiên bản mới và lỗi riêng với những người sử dụng điện thoại hệ điều hành IOS.

- Đối với Ban Quản lý cảng cá

+ Số lượng người làm việc tại đơn vị còn thiếu so với biên chế dự kiến được giao (hiện chỉ có 17/34 người làm việc). Tại một số khu vực chỉ có 01 - 02 người để làm các thủ tục rời, cập cảng, trong khi số lượng tàu làm thủ tục hàng ngày rất nhiều nhất là tại các xã Rạng Đông, Giao Hưng.

+ Cán bộ cảng phải làm nhiều thủ tục, phải cập nhật dữ liệu tàu rời cảng, cập cảng, sản lượng bốc dỡ trên nhiều hệ thống thông tin, hệ thống báo cáo khác nhau gây mất nhiều thời gian (nhập vào nhiều loại sổ viết tay, nhập vào File excel, nhập dữ liệu trên hệ thống truy xuất nguồn gốc eCDT, nhập vào hệ thống vnfishbase, nhập vào Googlesheet, nhập vào báo cáo tuần, tháng, báo cáo đột xuất,...).

+ Thường xuyên phải hướng dẫn hoặc hỗ trợ nhiều lần cho chủ tàu/thuyền trưởng làm nhật ký khai thác bản giấy, nhật ký điện tử, làm khai báo rời, cập cảng qua eCDT,... gây mất rất nhiều thời gian.

- Đối với chủ tàu/thuyền trưởng

+ Chưa thực hiện nghiêm việc ghi nộp nhật ký khai thác thủy sản (bản giấy hoặc điện tử), việc khai báo làm thủ tục rời, cập cảng; còn có thái độ ỷ lại, trông chờ vào cán bộ cảng hỗ trợ, giúp đỡ.

+ Nội dung ghi trong nhật ký khai thác có độ tin cậy chưa cao; nhiều tàu có dấu hiệu vi phạm về vùng khai thác, nghề khai thác, chưa duy trì thiết bị GSHT theo quy định,...

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong công tác quản lý tàu cá chưa đạt hiệu quả cao.

* Nguyên nhân:

- Địa bàn quản lý rộng, cùng với đặc thù nghề nghiệp thường trực 24/24 giờ hàng ngày, trong khi số lượng người làm việc còn thiếu so với biên chế được giao.

- Một số thuyền trưởng vẫn chưa hợp tác, chưa tuân thủ các quy định của Luật Thủy sản trong các chuyến đi biển hoặc thực hiện còn mang tính chất đối phó với các cơ quan chức năng.

- Đối với thủ tục cập cảng còn phải thực hiện nhiều bước, lắp nhiều thiết bị, sử dụng nhiều App điện tử.

c) Biện pháp khắc phục

Đề nghị Cục Thủy sản và Kiểm ngư

- Nâng cấp Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử (eCDT VN) để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục.

- Thống nhất cập nhật các dữ liệu tàu thuyền rời, cập cảng, tránh chong chéo và thuận tiện cho công tác tổng hợp báo cáo cho các cơ quan chức năng.

2.3.2. Công tác tuần tra, kiểm soát hoạt động tàu cá

a) Kết quả thực hiện

Trong kỳ báo cáo đã thực hiện 01 chuyến tuần tra/08 ngày tuần tra/10 người tham gia. Tổng số tàu cá được kiểm tra 37 tàu; phát hiện vi phạm 02 tàu; đã phạt 0 tàu/0 người/0 triệu đồng; còn 02 tàu đang phối hợp với Chi cục Kiểm ngư vùng 1 lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định.

Lũy kế từ đầu năm, đã thực hiện 10 chuyến tuần tra/65 ngày tuần tra/77 lượt người tham gia. Tổng số tàu cá được kiểm tra 274 tàu; phát hiện vi phạm 23 tàu; đã phạt 21 tàu/21 người/157,5 triệu đồng; còn 02 tàu đang phối hợp với Chi cục Kiểm ngư vùng 1 xử lý theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

* Tồn tại, hạn chế:

Một số hành vi vi phạm vẫn còn tái diễn; việc phát hiện, xử lý vi phạm tại một số thời điểm còn gặp khó khăn do địa bàn quản lý rộng, đối tượng vi phạm hoạt động phân tán, thường xuyên thay đổi thời gian và địa điểm hoạt động, đôi khi còn theo dõi việc hoạt động của cơ quan chức năng để trốn tránh, vi phạm.

* Nguyên nhân:

Phạm vi quản lý rộng, đường bờ biển kéo dài, nhiều bãi ngang; lực lượng và phương tiện thực thi công vụ còn hạn chế; điều kiện thời tiết ảnh hưởng đến hoạt động tuần tra, kiểm tra, kiểm soát. Một bộ phận người dân nhận thức chưa đầy đủ các quy định của pháp luật, vì lợi ích kinh tế vẫn cố tình vi phạm.

c) Biện pháp khắc phục

Thay đổi phương thức tuần tra, kiểm tra theo kế hoạch cố định sang tuần tra linh hoạt, đột xuất, có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường nắm tình hình, phân tích thông tin và xác định địa bàn, thời gian, đối tượng có nguy cơ vi phạm cao để chủ động bố trí lực lượng, phương tiện. Đồng thời, tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương, các lực lượng chức năng và cộng đồng ngư dân để phát hiện, ngăn chặn vi phạm ngay từ cơ sở; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động gắn với kiểm tra, xử lý, bảo đảm việc chấp hành pháp luật thực chất, thường xuyên và hiệu quả.

3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác

3.1. Kết quả thực hiện

Trong kỳ báo cáo, sản lượng khai thác bốc dỡ qua cảng là 1.445,3 tấn; đã thực hiện cấp: 0 giấy biên nhận thủy sản bốc dỡ, với khối lượng 0 tấn; 0 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản, với khối lượng 0 tấn; 0 giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản với khối lượng 0 tấn.

Lũy kế từ đầu năm, sản lượng khai thác bốc dỡ qua cảng là 16.403,1 tấn; đã thực hiện cấp: 0 giấy biên nhận thủy sản bốc dỡ, với khối lượng 0 tấn; 0 giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản, với khối lượng 0 tấn; 0 giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản với khối lượng 0 tấn.

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế: Không

b) Nguyên nhân: Không

3.3. Biện pháp khắc phục: Không

4. Thực thi pháp luật, xử lý vi phạm

4.1. Kết quả thực hiện

Trong kỳ báo cáo, tổng số vụ có dấu hiệu vi phạm là 28 vụ. Trong đó, đã xử lý hình sự 0 vụ (đạt 0%); đã xử phạt hành chính 07 vụ (đạt 25,0%) với tổng số tiền 462,125 triệu đồng; không xử phạt do không vi phạm 13 vụ (đạt 46,4%); đang xử lý 08 vụ (đạt 28,6%).

Lũy kế từ đầu năm, tổng số vụ có dấu hiệu vi phạm là 281 vụ. Trong đó, đã xử lý hình sự 0 vụ (đạt 0%); đã xử phạt hành chính 111 vụ (đạt 39,5%) với tổng số tiền 3.646,875 triệu đồng; không xử phạt do không vi phạm 162 vụ (đạt 57,7%); đang xử lý 08 vụ (đạt 2,8%).

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Còn tình trạng tàu cá mất kết nối VMS khi hoạt động trên biển và cả khi tàu cá về bờ.

- Việc báo cáo vị trí về bờ theo quy định của các chủ tàu, thuyền trưởng khi tàu cá mất tín hiệu kết nối VMS còn chưa kịp thời và đầy đủ.

- Công tác xác minh, xử lý tàu cá mất kết nối thiết bị VMS mất nhiều thời gian.

b) Nguyên nhân

- Một số chủ tàu/thuyền trưởng chưa có ý thức chấp hành trong việc báo cáo vị trí về bờ theo quy định khi tàu cá mất tín hiệu kết nối VMS.

- Qua xác minh, nhiều chủ tàu không biết được nguyên nhân mất tín hiệu, trong khi đó chủ tàu/thuyền trưởng vẫn bật máy, cung cấp nguồn điện đầy đủ, không tắt

hay vô hiệu hoá tín hiệu của thiết bị VMS kể cả ở trong bờ lẫn ngoài khơi, một số thiết bị VMS có tín hiệu chập chờn, gián đoạn khi tàu cá hoạt động trên biển.

- Việc xác minh một số trường hợp mất tín hiệu kết nối VMS còn chưa kịp thời và kéo dài do tàu cá chưa cập bờ, một số tàu cá thường xuyên hoạt động và neo đậu tại các tỉnh ngoài không về địa phương, chưa làm việc với chủ tàu, thuyền trưởng tàu cá.

4.3. Biện pháp khắc phục

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn và yêu cầu chủ tàu/thuyền trưởng tàu cá thường xuyên duy trì thiết bị VMS hoạt động 24h/7, kịp thời phát hiện và báo cáo vị trí tàu cá mất kết nối VMS theo quy định; phối hợp với đơn vị cung cấp thiết bị VMS thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời nhằm đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định và liên tục.

- Tăng cường kiểm tra để phát hiện, xử lý nghiêm các tàu cá vi phạm. Kịp thời tổ chức xác minh, xử lý nghiêm tàu cá có hành vi vi phạm theo đúng quy định; phối hợp với các đơn vị, lực lượng chức năng các tỉnh, thành phố ven biển để xác minh, xử lý tàu cá của tỉnh có hành vi vi phạm thường xuyên hoạt động, neo đậu tỉnh ngoài. Kiên quyết không cho tàu cá rời cảng, xuất bến đi hoạt động khai thác nếu chưa được xác minh, xử lý hành vi vi phạm theo quy định.

- Đề nghị Cục Thủy sản và Kiểm ngư chỉ đạo các đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và nâng cấp đường truyền vệ tinh, đảm bảo các thiết bị VMS được duy trì tín hiệu kết nối thường xuyên liên tục.

5. Chính sách chuyển đổi nghề, phát triển bền vững ngành thủy sản

5.1. Triển khai chính sách chuyển đổi nghề

Trong kỳ báo cáo, số tàu cá được giải bản 03 chiếc; số tàu cá được chuyển nghề khai thác khác 0 chiếc; số lao động chuyển nghề 0 người; số mô hình sinh kế mới 0 mô hình.

Lũy kế từ đầu năm, số tàu cá được giải bản 03 chiếc; số tàu cá được chuyển nghề khai thác khác 0 chiếc; số lao động chuyển nghề 0 người; số mô hình sinh kế mới 0 mô hình.

5.2. Đầu tư, nâng cấp, công bố mở cảng cá

Trong kỳ báo cáo, số cảng cá được quy hoạch chi tiết 0 cảng; số cảng cá được công bố mở 0 cảng; số cảng cá chưa được công bố mở 0 cảng.

Lũy kế từ đầu năm, số cảng cá được quy hoạch chi tiết 04 cảng; số cảng cá được công bố mở 02 cảng; số cảng cá chưa được công bố mở 02 cảng.

5.3. Nội dung khác

Không có.

6. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chưa hoàn thành

Đến thời điểm hiện nay, Ninh Bình không có nhiệm vụ còn tồn đọng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Tổ chức cảng cá đã thực hiện việc giám sát sản lượng qua cảng, đồng thời lên phương án giám sát, thống kê sản lượng tại các bến cá tư nhân, truyền thống trên địa bàn; Văn phòng IUU đã cơ bản kiểm tra kiểm soát tàu cá khai thác IUU tại cảng cá Ninh Cơ, cảng cá Công ty TNHH Thành Vui.

- Tổ công tác xác minh xử lý tàu cá mất tín hiệu kết nối VMS của tỉnh đã triển khai thực hiện và hoạt động rất tích cực, hiệu quả. Công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong công tác xác minh, xử lý hiệu quả, đã ra quyết định xử phạt nghiêm một số trường hợp vi phạm mất kết nối thiết bị giám sát hành trình trên 06 giờ trên biển đã tạo sức răn đe, tỷ lệ mất kết nối khi tàu hoạt động trên biển đã giảm đáng kể trong thời gian vừa qua, tỷ lệ kết nối giám sát hành trình đối với tàu cá hoạt động trên biển đạt trên 80%.

2. Tồn tại, hạn chế

- Còn tình trạng tàu mất kết nối VMS trên 06 giờ khi hoạt động trên biển.

- Công tác kiểm soát tàu cá ra vào cảng, các khu neo đậu chưa chặt chẽ, tỷ lệ giám sát sản lượng, thống kê sản lượng qua các cảng cá, bến cá tư nhân, truyền thống còn thấp và chưa đồng bộ; tình trạng tàu cá chưa cập đúng cảng chỉ định theo quy định vẫn còn.

- Việc ghi, nộp nhật ký khai thác, báo cáo khai thác của thuyền trưởng chưa đầy đủ, kịp thời, chính xác.

- Các địa phương có tàu cá hoạt động thường xuyên ra vào neo đậu tại các bãi ngang chưa nộp đầy đủ nhật ký khai thác, báo cáo khai thác theo quy định nên việc kiểm soát sản lượng khai thác chưa cao.

3. Nguyên nhân

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 cảng cá và có nhiều bến cá tư nhân, truyền thống, các bãi ngang ở khắp các xã ven biển, trong khi lực lượng kiểm soát còn mỏng.

- Các sản phẩm thủy sản khai thác của tỉnh xuất khẩu tiểu ngạch và tiêu thụ nội địa đến nay chưa có tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm thủ tục xác nhận, chứng nhận thủy sản khai thác.

- Nhiều tàu cá hoạt động vùng khơi chưa vào cảng cá chỉ định để bốc dỡ hàng hóa thủy sản, do trên địa bàn tỉnh có nhiều bến cá tư nhân, truyền thống nhỏ lẻ, tập quán hoạt động của tàu cá neo đậu tại các bãi ngang xa các cảng cá chỉ định.

- Lực lượng kiểm tra, kiểm soát trên biển còn thiếu, phương tiện, lực lượng còn hạn chế, Ninh Bình có 02 tàu Kiểm ngư đã cũ, xuống cấp và không hoạt động thường xuyên.

4. Kết quả đánh giá, chấm điểm: 87 điểm.

(Chi tiết đánh giá, chấm điểm tại Phụ lục VII kèm theo)

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ, ngành Trung ương:

- Tổ chức hội nghị phổ biến các quy định liên quan đến khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia Vnfishbase và các văn bản quy phạm pháp luật mới được Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

- Giảm bớt các thủ tục, hồ sơ rời, cập cảng bằng phương pháp thủ công (bằng giấy) để kịp thời phục vụ người dân.

- Nâng cấp Hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia Việt Nam (VNFISHBASE), Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử (eCDT VN) để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục; thống nhất cập nhật các dữ liệu tàu thuyền rời, cập cảng, tránh chồng chéo và thuận tiện cho công tác tổng hợp, báo cáo.

- Chỉ đạo các đơn vị cung cấp thiết bị VMS thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và nâng cấp đường truyền vệ tinh, đảm bảo thiết bị VMS được duy trì tín hiệu kết nối thường xuyên liên tục.

- Thường xuyên cập nhật số liệu báo cáo của địa phương để đảm bảo liên thông, trùng khớp dữ liệu khi báo cáo cấp có thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3.

Q_V3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng